

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **20/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/7/2022

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Lãm

2. Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1982 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn BX, xã ĐO, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

** Bị đơn:* Ông Trịnh Trọng Q, sinh năm 1974 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 9, xã HT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ph với ông Trịnh Trọng Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐO, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 25/4/2003. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, cả hai đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Bà Ph xác định không còn tình cảm với ông Q, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà Ph và ông Q có 01 người con chung là Trịnh Trọng V, sinh ngày 02/7/2004. Khi ly hôn, bà Ph với ông Q cùng thống nhất giao con chung cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trịnh Trọng Q:*

Tại bản tự khai ngày 28/02/2022 ông Q trình bày: Ông Q với bà Ph tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐO, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 25/4/2003. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Ông Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng nên đồng ý ly hôn với bà Phong.

Về con chung: Ông Q với bà Ph có 01 người con chung là Trịnh Trọng V, sinh ngày 02/7/2004. Khi ly hôn ông Q đồng ý giao con chung cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về thụ lý, phân công thẩm phán; xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; thủ tục công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 39, 68, 93, 97, 195, 196, 197, 205, 208, 209 của BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Căn cứ các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 38, 51, 56, 58, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn cho bà Ph được ly hôn với ông Q; giao người con chung là Trịnh Trọng V, sinh ngày 02/7/2004 cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về “Ly hôn”, do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph đang cư trú tại thôn BX, xã ĐO, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn ông Trịnh Trọng Q có đang cư trú tại xóm 9, xã HT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa. Bà Phong, ông Quý đã có văn bản cùng thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập là nơi bà Phong hiện nay đang cư trú là Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph, bị đơn ông Trịnh Trọng Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Ph, ông Q.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ph với ông Trịnh Trọng Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐO, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào ngày 25/4/2003, giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 25/4/2003. Như vậy hôn nhân giữa bà Ph và ông Q là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình.

Bà Ph có yêu cầu được ly hôn với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay, hai bên không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân là xây

dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được. Vì vậy, mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của bà Ph được ly hôn với ông Q là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Bà Ph với ông Q cho 01 người con chung là Trịnh Trọng V, sinh ngày 02/7/2004. Khi ly hôn bà Ph, ông Q đều thống nhất thỏa thuận giao người con chung cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng, trong quá trình giải quyết vụ án cháu V có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy việc thỏa thuận của bà Ph, ông Q là tự nguyện, không vi phạm quy định pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần giao người con chung cho bà Ph trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

* Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điểm b, khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; các điều 57, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ph

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ph được ly hôn ông Trịnh Trọng

Q

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ph với ông Trịnh Trọng Q chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao người con chung là cháu Trịnh Trọng V, sinh ngày 02/7/2004 cho bà Nguyễn Thị Ph trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu

1.5. Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Ph phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Ph đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006078 ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;
- UBND xã Đăk Ô;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN THỊ TUYẾT